TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Kim Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T- sinh năm 1977.
Địa chỉ : Thôn x, xã M, huyện Ttỉnh Thanh Hóa.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L - sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn 1, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên tòa, có mặt chị Thuỷ, anh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2024, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày và đề nghị: Chị và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 7 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, trong công việc cũng như trong tư tưởng, dẫn đến vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, không khí trong gia đình ngột ngạt, nặng nề. Tháng 8 năm 2023, chị đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, sau khi được Toà án hoà giải, anh L hứa sửa sai nên chị rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh L vẫn không thay đổi cách sống, vẫn uống rượu và hành hung vợ. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ ngày 06/3/2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn x, xã M, huyện T để sinh sống. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L không nhận thấy cái sai để sửa. Gia đình đã giàn xếp, hòa giải

nhiều lần nhưng do tình cảm vợ chồng không còn nên không thể đoàn tụ được. Chị nhận thấy nếu phải tiếp tục sống chung với anh L thì chị sẽ bị trầm cảm, ốm đau, ảnh hưởng đến sức khỏe. Chị Thuỷ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 17/3/2002. Cháu L đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh, ở với ai do cháu quyết định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung.

2. Tại Bản tự khai ngày 15/3/2024 và các văn bản tố tụng, bị đơn là anh Lê Văn L trình bày và đề nghị: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 7 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc. Anh là người có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thi thoảng anh uống rượu, bị kích thích thần kinh nên có to tiếng và đánh chị T. Từ ngày 06/3/2024, chị T về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 1, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn để sinh sống. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh đã nhiều lần nói chuyện trao đổi, xin lỗi nhưng chị Thuỷ vẫn không quay về. Anh vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn chị Thuỷ.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 17/3/2002. Cháu L đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh, ở với ai do cháu quyết định nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Anh L không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh L cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 07, ngày 28/7/2001 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra cải vã, xô xát. Vợ chồng không còn yêu thương, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau mà cuộc sống của ai người đó tự lo.

Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng các biện pháp hàn ngắn tình cảm vợ chồng của anh L không có hiệu quả nên tình cảm vợ chồng không cải thiện được.

Mặc dù, đã được gia đình và Toà án hoà giải nhiều lần nhưng chị Thuỷ và anh L vẫn không đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Văn L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 17/3/2002. Cháu L đã trên 18 tuổi trưởng thành, khỏe mạnh, cháu có quyền quyết định ở với bố hoặc mẹ. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002819 ngày 06/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu